

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN VĂN NINH

**TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ**

Chuyên ngành: Kế toán

Mã số: 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng - Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. ĐOÀN THỊ NGỌC TRAI**

Phản biện 1: **PGS.TS. NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG**

Phản biện 2: **TS. CHÚC ANH TÚ**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 25 tháng 11 năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Thuế thu nhập doanh nghiệp giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo ổn định nguồn thu ngân sách. Mức thuế cao hay thấp áp dụng cho các chủ thể thuộc đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là khác nhau, điều đó phụ thuộc vào quan điểm điều tiết thu nhập và mục tiêu đặt ra trong phân phối thu nhập của quốc gia trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. Trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội những năm gần đây gặp nhiều khó khăn, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp kém hiệu quả do chi phí, lạm phát cao từ đó ảnh hưởng đến kết quả thu ngân sách. Song, hàng năm tổng số thu ngân sách trên địa bàn quận Cẩm Lệ đều tăng, năm sau cao hơn năm trước. Tuy nhiên, số thuế thu nhập doanh nghiệp chiếm tỷ trọng thấp trong tổng số thu từ doanh nghiệp, chỉ bằng 6-8 % và có chiều hướng giảm. Mặt khác, từ năm 2008 đến nay, nước ta chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) nhằm tháo gỡ khó khăn đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa thì số thuế TNDN càng giảm nhiều hơn, chiếm tỷ trọng không đáng kể so với tổng số thuế thu từ doanh nghiệp, trong khi đó mục tiêu thu NSNN trên địa bàn quận Cẩm Lệ đến năm 2015 là đảm bảo tự cân đối thu chi ngân sách.

Về cơ chế quản lý thuế, Luật quản lý thuế có hiệu lực thì cơ quan thuế thực hiện quản lý thuế theo chức năng, người nộp thuế thực hiện cơ chế tự khai tự tính, tự nộp và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các khoản kê khai của mình. Tuy nhiên, thực hiện cơ chế “tự khai, tự tính, tự nộp” cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng gian lận thuế, trốn thuế với nhiều hình thức tinh vi, khó phát hiện, khai kết quả SXKD hàng năm lỗ khá phổ biến; công tác kiểm soát thuế TNDN còn nhiều hạn chế, hiệu quả từ việc kiểm soát thuế TNDN hàng năm của cơ quan thuế đối với doanh nghiệp đạt thấp so với kế hoạch. Vì vậy, “**Tăng**

cường kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ” có tầm quan trọng hàng đầu, đó cũng là lý do tác giả chọn đề tài này làm đề tài nghiên cứu.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Phân tích thực trạng công tác kiểm soát thuế TNDN; làm rõ những hạn chế tồn tại cần giải quyết, đề xuất các giải pháp tăng cường công tác kiểm soát thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là công tác kiểm soát thuế TNDN đối với doanh nghiệp do Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ thực hiện.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng phương pháp phỏng vấn cán bộ, công chức thuế và nghiên cứu các biên bản kiểm tra thuế của Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ; kết luận kiểm toán doanh nghiệp của Kiểm toán Nhà nước

5. Bố cục đề tài nghiên cứu

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia bố cục thành 3 chương, bao gồm: Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về công tác kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp do cơ quan thuế thực hiện. Chương 2: Thực trạng công tác kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ. Chương 3: Các giải pháp tăng cường kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trước khi nghiên cứu đề tài này, tác giả đã tìm hiểu một số nội dung của đề tài được nghiên cứu trước đây có liên quan đến đề tài, tuy nhiên chưa có tác giả nào nghiên cứu tại Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ.

CHƯƠNG 1
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KIỂM SOÁT
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP DO CƠ QUAN THUẾ
THỰC HIỆN

1.1. THUẾ TNDN VÀ KIỂM SOÁT THUẾ TNDN

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Khái niệm thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế TNDN là loại thuế trực thu đánh vào thu nhập của doanh nghiệp sau khi đã trừ đi những chi phí để tạo ra thu nhập trong mỗi kỳ tính thuế.

b. Đặc điểm thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế trực thu; đối tượng nộp thuế là các doanh nghiệp, các nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế khác nhau đồng thời cũng là người chịu thuế.

1.1.2. Khái niệm, vai trò và đặc điểm kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Khái niệm về kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp

Kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp là một trong những chức năng, nhiệm vụ của cơ quan thuế theo quy định của Luật quản lý thuế; đó là kiểm tra, xác định tính đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu trong hồ sơ thuế nhằm đánh giá sự tuân thủ pháp luật về thuế của người nộp thuế. Kiểm tra thuế được thực hiện tại trụ sở cơ quan thuế và tại trụ sở của người nộp thuế.

b. Vai trò của kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp

Kiểm soát thuế TNDN giúp cơ quan thuế kiểm soát các căn cứ tính thuế; phát hiện, xử lý kịp thời những hành vi vi phạm, các hình thức gian lận thuế TNDN; để đánh thuế công bằng, hợp lý nghĩa vụ thuế giữa các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp.

c. Đặc điểm kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp

Kiểm soát thuế TNDN phải kiểm soát toàn diện từ doanh thu chịu thuế, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh (nguyên, nhiên vật liệu, khấu hao, tiền lương ...) đến chính sách miễn giảm; Kiểm soát thuế TNDN có nội dung rộng, bao gồm cả kiểm soát từ bên ngoài doanh nghiệp như kiểm soát các chi phí, thu nhập trong và ngoài nước; kiểm soát từ giai đoạn đầu tư máy móc thiết bị đến sản xuất tiêu thụ hàng hóa dịch vụ; Kiểm soát thuế TNDN không những kiểm soát tuân thủ theo Luật thuế TNDN mà còn kiểm soát tuân thủ các Luật khác như Luật doanh nghiệp, Luật lao động, chính sách ưu đãi của Chính phủ; Kiểm soát thuế TNDN mang tính chất ngoại kiểm. Chủ thể thực hiện kiểm soát thuế TNDN bao gồm Cơ quan thuế các cấp, ngoài ra còn có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng của nhà nước như: Kiểm toán nhà nước, Thanh tra nhà nước, Công an.

Do vậy, kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp cần có kỹ năng và chuyên môn nghiệp vụ cao đồng thời phải có nhiều kinh nghiệm cũng như phương tiện thông tin hỗ trợ để có thể phát hiện những cách thức, hành vi trốn thuế ngày càng đa dạng, phức tạp.

1.2. KIỂM SOÁT THUẾ TNDN DO CQT THỰC HIỆN

1.2.1. Mục tiêu của kiểm soát thuế TNDN

Thứ nhất, kiểm soát thuế TNDN giúp cơ quan thuế quản lý được nguồn thu thuế nói chung, thuế TNDN nói riêng đảm bảo thu đúng, thu đủ, kịp thời vào NSNN.

Thứ hai, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế; tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp chấp hành tốt nghĩa vụ thuế.

Thứ ba, phòng ngừa, ngăn chặn; phát hiện, xử lý kịp thời những hành vi vi phạm, các hình thức gian lận thuế TNDN.

Thứ tư, qua công tác kiểm soát thuế TNDN, cơ quan thuế phát hiện những kẽ hở, những quy định về thuế TNDN không phù hợp thực tiễn, từ đó kiến nghị sửa đổi luật Thuế TNDN, chế độ kế toán và các quy định có liên quan khác.

1.2.2. Vai trò của thông tin kế toán trong kiểm soát thuế TNDN

Với vai trò của mình, thông tin kế toán cung cấp cho cơ quan thuế để xác định tình hình tài chính, kết quả hoạt động và nghĩa vụ thuế của từng NNT.

- **Vai trò của thông tin chứng từ:** Cung cấp thông tin những nội dung vốn có của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và đã hoàn thành trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, ghi nhận sự biến động đối với các loại tài sản, các loại nguồn vốn cũng như các đối tượng kế toán khác;

- **Vai trò của các báo cáo:** Báo cáo tài chính, báo cáo thuế giúp cơ quan thuế kiểm tra, đối chiếu với chứng từ chi tiết, phân tích tổng hợp số liệu liên quan đến việc chấp hành pháp luật thuế, từ đó kiểm soát chặt chẽ để khai thác nguồn thu thuế;

- **Vai trò của thông tin sổ kế toán:** Giúp cơ quan thuế kiểm soát các nội dung kinh tế liên quan đến nghĩa vụ thuế TNDN mà các thông tin trên báo cáo tài chính không thể kiểm soát được như: Sổ chi tiết doanh thu, sổ chi tiết thanh toán, ...

1.2.3. Nội dung quy trình kiểm soát thuế TNDN

- **Kiểm soát đăng ký thuế và cấp mã số thuế, khai thuế:** Thông qua hồ sơ khai thuế ban đầu, cơ quan thuế kiểm soát được các thông tin về NNT, tình trạng mã số thuế; ngành nghề kinh doanh đăng ký, vốn điều lệ.

- **Kiểm soát nợ thuế:** Kiểm soát nợ thuế nhằm đảm bảo tiền thuế đã kê khai được nộp vào NNSN đúng thời hạn.

- **Kiểm tra, giám sát hồ sơ thuế:** Kiểm tra, thanh tra thuế là một trong những nội dung quan trọng trong quản lý thuế, góp phần kiểm soát nguồn thu thuế. Kiểm tra, thanh tra thuế được tiến hành sau các bước cơ bản như đăng ký thuế, tuyên truyền hỗ trợ NNT. Thanh tra, kiểm tra thuế nhằm: Phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm

Luật thuế như khai man trốn thuế, nợ đọng thuế, chiếm dụng tiền thuế; góp phần nâng cao ý thức chấp hành Luật thuế cho NNT.

- **Xử lý vi phạm về thuế:** Xử lý vi phạm về thuế là một khâu của quá trình kiểm soát thuế. Mọi hành vi vi phạm về thuế đều phải được phát hiện và xử lý nghiêm khắc.

a. Kiểm soát thuế tại cơ quan thuế

Bước 1 : Khi kiểm tra hồ sơ thuế, công chức quản lý thuế thực hiện việc đối chiếu, so sánh nội dung trong hồ sơ thuế với các thông tin, tài liệu có liên quan, các quy định của pháp luật về thuế.

Bước 2 : Xử lý kết quả kiểm tra thuế.

b. Kiểm soát thuế tại trụ sở người nộp thuế

Trình tự, thủ tục kiểm tra thuế được thực hiện theo bốn bước như sau: **Bước 1:** Công bố quyết định kiểm tra thuế khi bắt đầu tiến hành kiểm tra thuế. **Bước 2:** Tiến hành kiểm tra, đối chiếu nội dung khai báo với sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, các tài liệu có liên quan, tình trạng thực tế trong phạm vi, nội dung của quyết định kiểm tra thuế. **Bước 3:** Lập biên bản kiểm tra thuế, biên bản được lập trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn kiểm tra. **Bước 4 :** Xử lý kết quả kiểm tra theo thẩm quyền hoặc chuyển cấp có thẩm quyền xử lý theo kết quả kiểm tra trong trường hợp cơ quan thuế không có thẩm quyền xử lý. Mọi hành vi vi phạm về thuế đều phải được phát hiện và xử lý nghiêm khắc. Tùy vào tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà người nộp thuế vi phạm phải chịu phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử phạt một lần với một mức phạt nhất định.

Cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế: Các trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế: (i) Người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế đã quá chín mươi ngày, kể từ ngày hết thời hạn (ii) Người nộp thuế nợ tiền thuế, tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế khi đã hết thời hạn gia hạn nộp tiền thuế (iii)

Người nộp thuế còn nợ tiền thuế, tiền phạt có hành vi phát tán tài sản, bỏ trốn.

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THUẾ TNDN CỦA CƠ QUAN THUẾ

1.3.1. Các nhân tố từ cơ quan quản lý nhà nước.

Công tác kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố bao gồm những thay đổi về chính sách thuế; thẩm quyền của cơ quan thuế và công tác phối hợp.

1.3.2. Các nhân tố từ phía cơ quan thuế

- Tổ chức bộ máy quản lý thuế chưa phù hợp, biên chế ít; nhiều đội thuế kiêm nhiệm nhiều chức năng quản lý.

- Về ứng dụng công nghệ thông tin: Chưa có hệ thống kế toán, thông tin quản lý thuế đồng bộ.

1.3.3. Các nhân tố từ phía người nộp thuế

- Nhận thức của Doanh nghiệp về nghĩa vụ thuế của người nộp thuế còn hạn chế, chưa coi trọng công tác kế toán, khai thuế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp là một yêu cầu bắt buộc, là một nội dung quan trọng trong các nội dung quản lý thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế; kiểm soát phải tuân theo trình tự, thủ tục, chức năng từng bộ phận. Kiểm soát thuế nói chung, kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng có mục tiêu, yêu cầu và phương pháp riêng, để kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp mang lại hiệu quả thì CQT cần được trang bị phương tiện làm việc hiện đại, đội ngũ Công chức thuế có chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành; hệ thống pháp luật về thuế, quy trình kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp cần phải hoàn thiện, đồng bộ.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ

2.1. GIỚI THIỆU VỀ CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ

2.1.1. Khái quát về Chi cục thuế quận Cẩm Lệ

Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ là đơn vị hành chính nhà nước thuộc hệ thống ngành thuế; chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Cục thuế TP.Đà Nẵng và chỉ đạo song trùng của Ủy ban nhân dân quận Cẩm Lệ; có trụ sở tại số 08 Nguyễn Nhân, phường Hoà Thọ Đông, quận Cẩm Lệ. Khi thành lập nguồn cán bộ được điều động từ các Chi cục thuế quận Hải Châu, huyện Hoà Vang và từ Cục thuế thành phố Đà Nẵng. Biên chế đơn vị hiện có đến tháng 8/2012 là 41 người, cơ cấu tổ chức gồm ban lãnh đạo và 9 Đội thuế trực thuộc Chi cục. Nhiệm vụ của Chi cục thuế quận Cẩm Lệ là tổ chức thực hiện công tác quản lý thuế, phí lệ phí, các khoản thu khác của Ngân sách Nhà nước theo phân cấp của Cục thuế thành phố Đà Nẵng.

2.1.2. Tổ chức bộ máy quản lý thuế tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ

Để thực hiện nhiệm vụ quản lý thu NSNN, cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục Thuế theo mô hình trực tuyến bao gồm có: Ban lãnh đạo và 9 Đội chức năng

- **Đội Tuyên truyền - Hỗ trợ, nghiệp vụ dự toán;**
- **Đội Kế khai - Kế toán thuế và Tin học;**
- **Đội Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế;**
- **Đội Kiểm tra thuế kiêm kiểm tra nội bộ;**
- **Đội Trước bạ và thu khác kiêm thuế TNCN;**
- **Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Ấn chỉ;**
- **3 Đội thuế liên phường.**

Với bộ máy như trên, Chi cục thuế quận Cẩm Lệ tổ chức thành 2 nhóm công việc:

+ Quản lý người nộp thuế với 4 chức năng cơ bản sau: Tuyên truyền hỗ trợ NNT; Kê khai đăng ký và kê toán thuế; Kiểm tra thuế; Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế.

+ Phục vụ nội bộ ngành thuế với các chức năng cơ bản: Tổ chức, hành chính, tài vụ, thi đua, tin học và kiểm tra nội bộ

2.1.3. Nguồn nhân lực trực tiếp kiểm soát thuế TNDN

Nguồn nhân lực làm công tác kiểm soát thuế ngày càng được nâng cao về chất lượng; mặc dù kế hoạch thu hàng năm đều tăng nhưng số lượng công chức biên chế từ khi thành lập năm 2005 đến nay không tăng nên chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý thuế theo chức năng. Tham gia trực tiếp kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp gồm 3 bộ phận với 15 người, chiếm 37% tổng số công chức toàn chi cục, trong đó 83% cán bộ có trình độ đại học nhưng phần lớn là tại chức, 17% cán bộ trên có trình độ trung cấp và trên 50 tuổi nhưng chưa được đào tạo lại hay bồi dưỡng kiến thức nên hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ.

2.1.4. Hệ thống thông tin kiểm soát thuế

Để kiểm soát thuế, CQT sử dụng các phần mềm hỗ trợ như Chương trình quản lý đăng ký thuế (Tin CC), chương trình quản lý ấn chỉ thuế (QLAC 3.0), chương trình quản lý thuế thu nhập cá nhân, chương trình quản lý khai thuế (VAT.WIN 2.1), ứng dụng phần mềm quản lý nợ thuế.

2.2. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KIỂM SOÁT THUẾ TNDN TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ

2.2.1. Tình hình kinh tế xã hội quận Cẩm Lệ

Ngoài chính sách quản lý nhà nước thì nhận thức và quan điểm chỉ đạo của chính quyền, các ban ngành trên địa bàn quận có ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý thuế, kiểm soát thuế. Đặc biệt là sự quan tâm chỉ đạo của UBND quận, sự phối hợp của các Ngành đối với công tác thuế và cải cách hành chính trên địa bàn.

Quận Cẩm Lệ là đơn vị thực hiện tốt cải cách hành chính, trong đó có thành lập Hội doanh nghiệp quận nhằm làm cầu nối thông tin, truyền truyền chính sách thuế, hỗ trợ từ các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương đến với doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng với nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội”. Cơ cấu kinh tế giai đoạn 2010-2015 được xác định vẫn là công nghiệp-dịch vụ-nông nghiệp với tỷ trọng 59,2% - 39,5% - 1,3%

2.2.2. Đặc điểm của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn quận Cẩm Lệ

- Đặc điểm thứ nhất của doanh nghiệp tại quận Cẩm Lệ là quy mô nhỏ, số vốn đầu tư thấp, lao động ít.

- Đặc điểm thứ hai là đội ngũ lao động có tay nghề không đồng đều, phần lớn chưa được đào tạo; công tác kế toán và công tác báo cáo thuế chưa được Chủ doanh nghiệp coi trọng.

- Đặc điểm thứ ba là doanh nghiệp chủ yếu hoạt động thương mại, dịch vụ và xây dựng.

2.2.3. Các nhân tố về chính sách

Chính sách thuế sau khi ban hành lại thay đổi liên tục, chức năng, nhiệm vụ còn chồng chéo, một số công việc giao cho bộ phận nào cũng được như kiểm tra trước hoàn, sau hoàn, đơn đốc thu nộp thuế; cng tác phối hợp giữa các ban ngành trong quản lý thu chưa đồng bộ, **2.3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THUẾ TNDN TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ**

2.3.1. Quy trình kiểm soát thuế TNDN vận dụng tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ

Trên cơ sở quy trình kiểm tra thuế do Tổng cục Thuế ban hành, việc áp dụng quy trình kiểm tra thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ theo các thủ tục kiểm soát với 3 chức năng cơ bản: Kê khai và kê toán thuế; kiểm tra thuế, giám sát thuế; quản lý nợ và Cường chế nợ thuế.

2.3.2. Khảo sát thực trạng công tác kiểm soát thuế TNDN tại Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ

Để đánh giá thực trạng công tác kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ, tác giả tiếp cận theo hướng tập hợp ý kiến của các cán bộ làm công tác thuế theo hình thức **“Phiếu khảo sát ý kiến công chức thuế”**.

a. Phương pháp khảo sát

Tác giả đã xây dựng các câu hỏi khảo sát (*phụ lục số 2*) và thực hiện phỏng vấn 100% cán bộ đã và đang làm công tác kiểm tra thuế là 30 người ở các vị trí công tác khác nhau như: Bộ phận lãnh đạo, tham mưu, trực tiếp và gián tiếp kiểm tra người nộp thuế tại Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ. Phương pháp thực hiện: Phỏng vấn trực tiếp các công chức thuế để ghi phiếu câu hỏi.

b. Kết quả khảo sát

- **Về mức độ tin cậy đối với hồ sơ khai thuế:** Từ kết quả khảo sát cho thấy mức độ trung thực của hồ sơ khai thuế với thực tế kinh doanh rất thấp (30/30) ý kiến và mức độ tin cậy của Báo cáo tài chính (BCTC) và sổ sách kế toán chỉ ở mức trung bình (24/30) ý kiến.

- **Về chấp hành pháp luật thuế:** Phần lớn DN có sai sót về thuế, hành vi vi phạm xảy ra ở tất cả các các loại hình doanh nghiệp dân doanh (không có vốn nhà nước) như Công ty TNHH, Cty Cổ phần, doanh nghiệp tư nhân.

- **Vi phạm theo từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh:** Từ kết quả khảo sát ý kiến cũng cho thấy các doanh nghiệp (thuộc các loại hình) trong lĩnh vực xây dựng, vận tải và san lấp mặt bằng có mức độ vi phạm (số thuế trốn tránh nghĩa vụ) nghiêm trọng nhất (53,33%), tiếp đến là kinh doanh thương mại (36,67%); trong đó mặt hàng thường trốn thuế phổ biến là: Xe máy, hàng tiêu dùng điện máy.

- **Hành vi vi phạm đa dạng:** Khai tăng chi phí, giảm doanh thu, ghi hóa đơn thấp hơn thực tế, lập chứng từ không, không lập hóa đơn khi bán hàng; lập hợp đồng lao động giả.

Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy để kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp cần tăng cường đồng bộ các biện pháp ở cả 3 khâu của quá trình kiểm soát: kê khai kế toán thuế, kiểm tra thuế, quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; trình độ cán bộ kiểm tra thuế hiện nay còn hạn chế. Để củng cố thêm kết quả khảo sát, tác giả tổng hợp tình hình chấp hành pháp luật thuế và hành vi vi phạm của 35 doanh nghiệp được kiểm tra thuế từ biên bản thanh, kiểm tra của cơ quan thuế trong 2 năm 2010-2011, sau đó chọn ngẫu nhiên để tiến hành khảo sát biên bản kết luận kiểm tra thuế của Chi cục thuế quận Cẩm Lệ đối với 2 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, san lấp, vận tải và kinh doanh thương mại để làm rõ các hành vi trốn thuế theo lĩnh vực hoạt động. Tổng hợp từ 35 biên bản kiểm tra thuế cho thấy DN có các hành vi vi phạm phổ biến (xem bảng 2.6).

Bảng 2.6: Tổng hợp hành vi vi phạm từ 35 biên bản kiểm tra của CQT

STT	Hành vi trốn thuế	Số đơn vị vi phạm
1	Hạch toán doanh thu, chi phí sai chế độ quy định	28
2	Bỏ ngoài sổ kế toán doanh thu, thu nhập, chiết khấu	11
3	Sử dụng hoá đơn bất hợp pháp để khấu trừ thuế GTGT, giảm TNCT	2
4	Xác định sai thuế suất thuế GTGT	1
5	Xác định sai thời gian miễn giảm thuế TNDN	1
6	Hợp thức hoá chứng từ các khoản chi phí để giảm TNCT	12
7	Trích khấu hao không đúng quy định	1
8	Hạch toán các khoản chi phí không có hoá đơn chứng từ	3

(Nguồn: Tổng hợp từ 35 biên bản kiểm tra thuế)

2.3.3. Phân tích thực trạng công tác kiểm soát thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ

a. Phân tích bằng phương pháp quan sát trực tiếp

Để phân tích thực trạng công tác kiểm soát thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ, tác giả phân tích bằng phương pháp quan sát trực tiếp theo từng nội dung kiểm soát tại các bộ phận liên quan.

*** Kiểm soát hồ sơ khai thuế TNDN tại cơ quan thuế**

- **Về kiểm soát hồ sơ khai thuế TNDN tại bộ phận một cửa:** Đối với hồ sơ khai thuế TNDN hàng quý, năm: Sau khi NNT gửi hồ sơ thuế TNDN tạm tính, CQT kiểm tra các số liệu khai thuế, so sánh đối chiếu với số liệu tờ khai thuế TNDN các kỳ trước, so sánh với số liệu của các doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề, mặt hàng và hồ sơ quyết toán thuế TNDN năm trước để phân tích mức doanh thu, thu nhập chịu thuế, số thuế phải nộp các quý và năm trước. Nếu mức thuế khai thấp hơn quý trước, năm trước thì yêu cầu NNT điều chỉnh cho phù hợp;

- **Kiểm soát hoá đơn chứng từ của bộ phận kiểm tra thuế:** Bộ phận kiểm tra thuế, bộ phận kê khai kế toán thuế và cán bộ kiểm tra thuế sử dụng dữ liệu kê khai thuế của người nộp thuế trong hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành và những dữ liệu thông tin của người nộp thuế chưa được nhập vào hệ thống dữ liệu của ngành (nếu có) để kiểm tra tất cả các hồ sơ khai thuế; phân tích, đánh giá lựa chọn các cơ sở kinh doanh có rủi ro về việc kê khai thuế. Ngoài các dữ liệu, thông tin trong hồ sơ khai thuế, bộ phận kiểm tra và cán bộ kiểm tra thuế còn phải tổ chức thu thập thêm thông tin nếu có liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế từ các nguồn thông tin của các cơ quan như Ngân hàng, Kho bạc, Kiểm toán, Quản lý thị trường, Tài nguyên môi trường, Kế hoạch và đầu tư, Thanh tra, Công an, Toà án. Theo dữ liệu kết xuất từ chương trình quản lý thuế tại Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ cho thấy: Trong tổng số 983 doanh nghiệp được quản lý tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ (số liệu đến tháng 10/2011), có 76% doanh nghiệp không thường xuyên giao dịch qua ngân hàng, các giao dịch nhỏ hơn 20 triệu đồng đều thanh toán bằng tiền mặt.

- Kiểm soát hồ sơ khai thuế tại Đội kiểm tra thuế:

Nội dung kiểm tra hồ sơ thuế: Kiểm tra việc ghi chép phản ánh các chỉ tiêu trong hồ sơ khai thuế; kiểm tra các căn cứ tính thuế để xác định số thuế phải nộp, miễn, giảm theo phương pháp đối chiếu so sánh; kiểm tra chứng từ, truy vấn nội dung nghi vấn với sổ kế toán, hợp đồng kinh tế có liên quan. Kết quả kiểm tra hồ sơ thuế hàng năm đạt tỷ lệ cao trên 90%, nhưng số thuế TNDN điều chỉnh tăng sau kiểm tra đạt tỷ lệ thấp.

*** Kiểm soát hồ sơ khai thuế TNDN tại trụ sở NNT**

Kiểm soát hồ sơ khai thuế tại trụ sở người nộp thuế gồm nhiều nội dung, trong đó bao gồm cả nội dung kiểm soát chứng từ nộp thuế và căn cứ xác định miễn giảm thuế. Kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp được thực hiện theo các nội dung: Kiểm tra các thủ tục pháp lý về nội dung đăng ký kinh doanh, ngành nghề, mặt hàng kinh doanh; việc áp dụng các căn cứ tính thuế, miễn giảm, hoàn thuế; thực hiện nghĩa vụ nộp thuế; kiểm tra tính chính xác, trung thực của các nội dung trên tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp quý, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm. Đối chiếu số liệu chứng từ kế toán với sổ kế toán, chứng từ, các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính; kiểm tra thủ, chế độ kế toán áp dụng; tính hợp pháp, hợp lý của các nội dung kinh tế, tỷ lệ đã đăng ký với Cơ quan thuế; truy vấn các nội dung của hoá đơn, chứng từ có nghi vấn với số số liệu thanh toán cho khách hàng, hợp đồng kinh tế; phân tích sự chuyển đổi hoạt động: là một hình thức Người nộp thuế thực hiện kế hoạch thuế thể hiện sự chuyển đổi hoạt động sang những hoạt động có lợi thế về thuế đối với thu nhập hoặc tài sản được tạo ra. Tổng hợp kết quả kiểm tra tại trụ sở Người nộp thuế theo kế hoạch đạt thấp: năm 2008 đạt 51%, năm 2009 đạt 21,39%, năm 2010 đạt 14,95%, năm 2011 đạt 15,2%.

Để đánh giá chất lượng từng cuộc kiểm tra theo các nội dung như tỷ lệ phát hiện vi phạm, số thuế truy thu từng vụ vi phạm, số thuế truy thu tăng giảm bình quân từng vụ vi phạm, qua đó đánh giá mức độ vi phạm của các doanh nghiệp và chất lượng kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp của cơ quan thuế. Tác giả tổng hợp kết quả kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp tại

trụ sở người nộp thuế của Chi cục thuế quận Cẩm Lệ giai đoạn 2008-2011 trong bảng 2.12.

Bảng 2.12: Kết quả kiểm tra thuế TNDN tại trụ sở NNT

Stt	Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011
1	Số đơn vị kiểm tra	37	21	16	19
2	Số đơn vị phát hiện có vi phạm	14	11	9	17
	Tỷ lệ % có vi phạm	37,84	52,38	56,25	89,47
3	Số thuế tăng thêm qua kiểm tra	269,451	157,594	255,965	655,327
	<i>Trong đó Thuế TNDN (tr. đồng)</i>	<i>229,033</i>	<i>153,217</i>	<i>252,365</i>	<i>617,248</i>
4	Số thuế bình quân/cuộc:(3)/(1)	7,282	7,504	15,998	34,490
5	Số thuế bình quân vụ vi phạm:(3)/(2)	19,247	14,327	28,441	38,548

(Nguồn: Báo cáo kết quả kiểm tra thuế 2008-2011)

Số liệu kiểm tra cho thấy: Tỷ lệ phát hiện vi phạm nghĩa vụ thuế và số thuế trốn khác nhau. Năm 2008, tỷ lệ số đơn vị vi phạm trên số được kiểm tra là 37,84%; số thuế truy thu bình quân một cuộc kiểm tra là 7,282 triệu đồng; số thuế truy thu bình quân một vụ vi phạm là 19,2 triệu đồng; đến năm 2011 tỷ lệ số đơn vị vi phạm tăng lên 89%; số thuế truy thu một vụ vi phạm cũng tăng, bình quân 38,54 triệu đồng. Điều này chứng tỏ mức độ vi phạm của người nộp thuế còn phổ biến với nhiều hình thức tinh vi, đa dạng; hiệu quả từ công tác kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp của Chi cục thuế được nâng lên. Tuy nhiên, với tỷ lệ kiểm tra tại trụ sở Người nộp thuế đạt thấp so với kế hoạch (thấp nhất 14,95%, cao nhất 51%) thì mức độ thất thu về thuế khá cao.

- Kiểm soát công tác Quản lý nợ và Cơ chế nợ thuế

Công tác quản lý nợ thuế đã được thực hiện theo qui trình quản lý nợ thuế. Tuy nhiên, hiệu quả thu nợ chưa cao, tỷ lệ nợ thuế các năm còn cao (trên 15%) so với quy định của Tổng cục Thuế là 5% trên tổng thu ngân sách.

b. Phân tích qua kết quả kiểm toán

Hàng năm Kiểm toán nhà nước Khu vực 3 thực hiện chức năng của mình đã kiểm toán ngân sách và quản lý thuế tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ và thực hiện kiểm tra đối chiếu việc chấp hành pháp luật thuế tại một số doanh nghiệp do Chi cục quản lý thuế. Qua kiểm toán cũng đã phát hiện nhiều doanh nghiệp vi phạm, với các nội dung và mức độ vi phạm khác nhau; cụ thể như nội dung kết luận và kiến nghị xử lý sau kiểm toán năm 2011 đối với các doanh nghiệp được kiểm toán (xem bảng 2.14).

Bảng 2.14. Kết quả kiểm toán năm 2011

Stt	Tên doanh nghiệp kiểm tra	Kết quả kiến nghị xử lý truy thu (triệu đồng)		Tổng cộng
		Thuế GTGT	Thuế TNDN	
1	Công ty TNHH Tuấn Vinh	49,477		49,477
2	Công ty TNHH Thanh Vàng		33,129	33,129
3	Công Ty cổ phần An Đạt	0	0	0
4	Công ty TNHH Toàn Trung		41,245	41,245
5	Công ty TNHH Trung Tấn	7,082	-	7,082
6	Công ty TNHH Lập Thành		22,947	22,947
7	Công ty TNHH Nhật Trung		5,091	5,091
8	Công ty TNHH Đại Hồng Tín	0	-	0
	Tổng cộng	56,559	102,412	158,971

(Nguồn: Kết quả kiểm toán 2011- Kiểm toán nhà nước khu vực 3)

Như vậy, trong số 8 doanh nghiệp được kiểm toán thì có 6 doanh nghiệp vi phạm, trong đó có 4 doanh nghiệp trốn thuế thu nhập doanh nghiệp, chỉ có hai doanh nghiệp không phát hiện vi phạm pháp luật thuế, các doanh nghiệp này không được đưa vào kế hoạch kiểm tra thuế hàng năm. Điều này chứng tỏ công tác lập kế hoạch kiểm tra thuế chưa sát đúng trọng tâm, chưa đánh giá đúng mức độ rủi ro thuế của Người nộp thuế.

2.4. NHỮNG HẠN CHẾ TỪ THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT THUẾ TNDN TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ

2.4.1. Tổ chức bộ máy kiểm soát

Thứ nhất, về bộ máy tổ chức: Do biên chế của Chi cục ít, chỉ có 41 người bố trí ở 9 Đội thuế và Ban lãnh đạo nên khó luân chuyển giữa các bộ phận.

Thứ hai, bố trí nguồn nhân lực kiểm tra còn bất cập, chưa đảm bảo biên chế: Số lượng công chức kiểm tra thuế thiếu về số lượng, công tác đào tạo, bồi dưỡng cho lực lượng cán bộ thuế chưa chuyên nghiệp, chuyên sâu lại chỉ giới hạn theo hình thức tập huấn ngắn hạn, không được đào tạo kỹ năng theo chức năng nhiệm vụ của từng vị trí công việc.

Thứ ba, công tác kiểm soát nội bộ được xem là chức năng riêng nhưng lại là nhiệm vụ của Đội kiểm tra thuế (kiêm nhiệm) trong khi lực lượng của Đội kiểm tra vừa thiếu, trình độ không đồng đều, chưa thể đảm nhiệm được các yêu cầu kiểm soát.

2.4.2. Công tác kiểm soát thuế TNDN

Thứ nhất, việc thực hiện qui trình quản lý thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng chưa đồng bộ, nhiệm vụ ưu tiên cho mục tiêu thực hiện dự toán thu được “quan tâm hàng đầu” trong khi dự toán không sát thực tế đang là hiện tượng phổ biến; công tác lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra chưa sát thực tế vì phạm do phân tích hồ sơ khai thuế còn thủ công, chưa có tiêu chí phân tích rủi ro khi lựa chọn NNT kiểm tra thuế.

Thứ hai, công tác kiểm tra thuế hiện nay chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của từng cán bộ thuế, trong khi chính sách thuế, chế độ kế toán thay đổi thường xuyên nhưng cán bộ thuế không được bổ sung kiến thức kế toán, không có kỹ năng để phân tích các tài liệu kế toán, báo cáo tài chính doanh nghiệp.

Thứ ba, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp rất đa dạng, theo đó các hành vi trốn thuế mới xuất hiện và ngày càng tinh vi nhưng CQT chưa đánh giá, tổng hợp các hành vi trốn thuế để có biện pháp kiểm tra phù hợp.

Thứ tư, một số trường hợp phát hiện trốn thuế lớn, hình thức tinh vi, để kết luận cần điều tra, thu thập bằng chứng ở nhiều nơi kể cả ngoài nước nhưng CQT không đủ thẩm quyền, phương tiện; khi chuyển sang cơ quan công an tốn nhiều thời gian, NNT đã bỏ trốn, không xử lý được.

Thứ năm, hiện nay, thanh toán bằng tiền mặt còn rất phổ biến trong nền kinh tế. Vì vậy khó có thể tìm ra dấu vết và kiểm soát các hoạt động mua bán, doanh thu, thu nhập. CQT chưa có biện pháp hữu hiệu để kiểm soát doanh thu của NNT.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Công tác quản lý thuế nói chung và kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp nói riêng tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ đã đạt được những kết quả nhất định, đặc biệt là số thu ngân sách nhà nước hàng năm đều tăng cao góp phần đáp ứng nhu cầu chi tiêu tăng cao sau khi quận mới được thành lập; là quận đầu tiên thành lập hội doanh nghiệp, do vậy nâng cao ý thức pháp luật của doanh nghiệp sẽ tạo sức lan tỏa đến công đồng doanh nghiệp. Tuy nhiên, kết quả kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ chưa đạt kế hoạch đề ra, công tác lập kế hoạch chưa sát đúng trọng tâm từ đó chưa kiểm soát hết các hoạt động kinh tế của Người nộp thuế.

Chức năng nhiệm vụ của các Đội thuế trong bộ máy kiểm soát đã được thay đổi nhưng vẫn còn chông chéo, trách nhiệm công việc chưa phân định rõ ràng; cơ sở dữ liệu thông tin về người nộp thuế chưa đồng bộ, chưa phục vụ tốt cho công tác phân tích đánh giá rủi ro. Mục tiêu kiểm soát thuế là phát hiện kịp thời và ngăn ngừa vi phạm chưa đạt hiệu quả, từ khâu lập kế hoạch kiểm tra đến kết thúc kiểm tra, quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; trình độ cán bộ kiểm soát thuế không đồng đều, chưa có kỹ năng phân tích báo cáo tài chính, chứng từ kế toán khi kiểm tra thuế.

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ

3.1. MỤC TIÊU, YÊU CẦU KIỂM SOÁT THUẾ TNDN TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ

3.1.1. Mục tiêu

Tại quận Cẩm Lệ, với xu hướng phát triển trong thời gian tới thì số lượng doanh nghiệp tăng hàng năm. Để đáp ứng nhu cầu chi tiêu ngày càng tăng và theo Nghị quyết Đại hội đảng bộ quận lần thứ II (2011-2015) đến năm 2015 đảm bảo cân đối ngân sách, nhiệm vụ thu NSNN của Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ năm sau luôn cao hơn năm trước đòi hỏi việc kiểm soát thuế TNDN chặt chẽ hơn, đảm bảo khai thác tăng thu từ công tác kiểm soát thuế; phát hiện và xử lý kịp thời vi phạm pháp luật thuế; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật thuế, tạo bình đẳng nghĩa vụ thuế giữa các doanh nghiệp.

3.1.2. Yêu cầu

- Phải xác định mục đích kiểm soát thuế TNDN, xác định rõ rủi ro thuế trong từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh; hành vi vi phạm nghiêm trọng để có lựa chọn đối tượng kiểm tra trọng tâm, trọng điểm; từ đó bố trí nguồn lực hợp lý để áp dụng nội dung kiểm soát phù hợp.

- Về nhận thức: Việc quản lý nhà nước về thuế đối với doanh nghiệp cần tuân thủ chính sách pháp luật thuế; sử dụng các công cụ kế toán và các thông tin để giám sát đối với hoạt động của doanh nghiệp.

- Đối với người nộp thuế: Cần nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật thuế, kế toán. Nhà nước đảm bảo giao quyền tự chủ trong kê khai, tính thuế theo quy định nhưng phải đảm bảo chấp hành nghiêm công tác tổ chức kế toán, mở và ghi chép sổ kế toán, lập hoá đơn chứng từ, tự nộp thuế.

- Đối với cơ quan thuế: Tổ chức quản lý theo các chức năng kết hợp quản lý theo đối tượng bao gồm tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế;

theo dõi xử lý kê khai thuế, quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế; thanh tra kiểm tra thuế

3.2. CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG KIỂM SOÁT THUẾ TNDN TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN CẨM LỆ

3.2.1. Hoàn thiện bộ máy tổ chức

Kiên toàn bộ phận pháp chế theo chuyên trách; củng cố, tăng cường bộ phận kiểm tra thuế và kiểm tra nội bộ; bộ phận xử lý dữ liệu. Tăng cường luân phiên, luân chuyển cán bộ đảm bảo mục tiêu phát triển cán bộ chuyên sâu theo chức năng quản lý thuế; xây dựng tiêu chuẩn cán bộ công chức thuế đối với từng lĩnh vực công tác; đồng thời xây dựng tiêu chí thi đua gắn với kết quả phân loại theo từng nội dung công việc; quy hoạch gắn với đào tạo bồi dưỡng, bố trí sử dụng, bổ nhiệm, tránh làm theo phong trào, không thực chất; đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu theo từng mô hình chức năng quản lý thuế nhằm nâng cao năng lực trình độ cho cán bộ thuế.

3.2.2. Sử dụng mô hình phân tích rủi ro khi lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế TNDN

Luật Quản lý thuế quy định nguyên tắc tự khai, tự tính, tự nộp thuế. Do đó, cơ quan thuế phải có kỹ năng phân tích hệ thống quản lý dữ liệu để kiểm soát NNT và nội bộ hệ thống điều hành cơ quan thuế. Do vậy, cần có phương pháp đánh giá rủi ro đối với từng loại thuế, NNT khác nhau, xác định các khu vực có rủi ro thất thu cao để lập kế hoạch kiểm tra đúng trọng tâm trọng điểm, phân bổ nguồn lực hợp lý với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin sẵn có. Tác giả đã đưa ra các phương pháp xác định rủi ro thuế khi lập kế hoạch kiểm tra thuế hàng năm.

3.2.3. Nhận dạng hành vi trốn thuế TNDN

Việc trốn thuế ở Việt Nam thường diễn ra dưới nhiều hình thức và ở nhiều loại thuế khác nhau; *tùy theo loại hình hoạt động, ngành nghề kinh doanh* mà có hình thức trốn thuế khác nhau. Các hành vi trốn thuế

thu nhập doanh nghiệp phổ biến hiện nay được tác giả tổng hợp để có biện pháp kiểm tra thuế phù hợp.

3.2.4. Xây dựng kỹ năng phân tích tài liệu kế toán khi kiểm tra thuế tại trụ sở NNT

Tác giả trình bày các kỹ năng phân tích số liệu trên sổ kế toán, báo cáo tài chính và số liệu chi tiết để (*Phụ lục 1*) tìm ra những mâu thuẫn, bất hợp lý về tiền, tài sản liên quan đến nghĩa vụ thuế khi kiểm tra thuế TNDN.

3.2.5. Kiểm soát thuế thông qua điều tra thuế

Tác giả trình bày cụ thể phương pháp điều tra thuế, đó là thực hiện quyền tố tụng về thuế trong trường hợp người nộp thuế cố tình trốn tránh nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước. Phạm vi điều tra là các hồ sơ nghi vấn trốn thuế có tính chất liên hoàn, thông đồng (bao gồm cả tham nhũng). Thẩm quyền điều tra là được khám xét không báo trước cho người nộp thuế và được xét, hỏi, lấy lời khai của người nộp thuế và đối tượng liên quan. Mục đích điều tra thuế để đánh thuế thoả đáng và công bằng, đảm bảo tất cả NNT kê khai chính xác và tự giác nộp thuế, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

3.2.6. Kiểm soát doanh thu chịu thuế bằng cách quản lý hoá đơn thu bằng tiền mặt

Để kiểm soát tốt doanh thu chịu thuế hoạt động kinh doanh, nguồn thu thuế từ doanh nghiệp trong điều kiện hiện nay và những năm tới, Tác giả trình bày mô hình kiểm soát doanh thu chịu thuế bằng cách quản lý hoá đơn thu bằng tiền mặt với hệ thống thiết bị truyền dữ liệu mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa NNT, người tiêu dùng với cơ quan thuế, từ đó kiểm soát doanh thu tính thuế.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM TẠO ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT

Để thực hiện các giải pháp nêu trên, cần kết hợp đồng bộ từ các cơ quan của nhà nước đến doanh nghiệp mới mang lại hiệu quả thiết thực.

Do vậy, để phát huy hiệu quả kiểm soát thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ cần có những giải pháp hỗ trợ để thực hiện.

3.3.1. Đối với Chính phủ, Bộ Tài chính

Đề nghị Chính phủ, Bộ Tài chính trình quốc hội sửa Luật Quản lý thuế để phù hợp hơn với các chuẩn mực, thông lệ và cam kết quốc tế, góp phần tăng cường quản lý, giám sát thực thi công tác quản lý thuế nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia về quyền thu thuế. Theo đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung các nội dung sau:

(1) Về Luật quản lý thuế, đề nghị:

Bổ sung cơ chế quyết định trước về phương pháp xác định giá tính thuế; mở rộng phạm vi thu thập thông tin về người nộp thuế từ nguồn nước ngoài theo các Hiệp định, Điều ước đã ký; quản lý thuế theo phương thức điện tử; quy định phạt chậm nộp thuế: Cản tăng mức phạt từ 0,05% đến 0,07%/ ngày để nâng cao ý thức chấp hành nộp thuế.

(2) Về Luật thuế TNDN: Đề nghị sửa đổi, theo hướng bổ sung các quy định để bao quát được các hoạt động kinh tế mới phát sinh trong kinh tế thị trường hội nhập và phù hợp với thông lệ quốc tế như hoạt động bán hàng đa cấp; thương mại điện tử; thoả thuận về giá giữa các DN liên kết; điều chỉnh mức thuế suất còn 20% nhằm động viên, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển.

3.3.2. Đối với Tổng cục Thuế

Đề xuất hoàn thiện các quy trình thanh tra, kiểm tra thuế, kiện toàn bộ máy tổ chức, áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kiểm tra thuế.

3.3.3. Đối với Cục Thuế và UBND thành phố Đà Nẵng

Đề xuất tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật thuế, ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan; kiến nghị áp dụng kiểm soát hóa đơn tiền mặt.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Từ thực tế kết quả khảo sát về công tác kiểm soát thuế tại Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ ở chương 2, trong chương 3 tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác này tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ, như: Giải pháp hoàn thiện về bộ máy tổ chức; đưa ra mô hình phân tích rủi ro khi lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp; tổng hợp và nhận dạng hành vi trốn thuế thuế thu nhập doanh nghiệp; xây dựng kỹ năng phân tích tài liệu kế toán khi kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế; giải pháp kiểm soát thuế thông qua điều tra thuế; kiểm soát doanh thu chịu thuế bằng cách quản lý hoá đơn thu bằng tiền mặt.

KẾT LUẬN

Công tác kiểm soát thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế, tồn tại: hiện tượng trốn thuế, chây ì, nợ đọng thuế còn phổ biến; hình thức trốn thuế đa dạng, ngày càng tinh vi, khó phát hiện hơn, ý thức chấp hành pháp luật thuế của một số NNT chưa cao. Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn kiểm soát thuế TNDN tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ, tác giả đã hoàn thành luận văn thạc sỹ đề tài **“Tăng cường kiểm soát thuế thu nhập doanh nghiệp tại Chi cục thuế quận Cẩm Lệ”**. Luận văn đã đặt ra và giải quyết tương đối đầy đủ về kiểm soát thuế TNDN tại Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ:

Thứ nhất, hệ thống hoá và làm rõ các vấn đề lý luận về kiểm soát thuế TNDN, trình bày cách thức tổ chức kiểm soát thuế TNDN theo mô hình quản lý chức năng; những nhân tố ảnh hưởng đến công tác kiểm soát thuế TNDN.

Thứ hai, đánh giá thực trạng kiểm soát thuế TNDN tại Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ; nêu lên những hạn chế, tồn tại trong công tác kiểm soát thuế TNDN.

Thứ ba, đề xuất 6 giải pháp tăng cường kiểm soát thuế: hoàn thiện bộ máy tổ chức, xây dựng kỹ năng phân tích tài liệu kế toán khi kiểm tra thuế tại trụ sở NNT, nhận dạng hành vi trốn thuế, kiểm soát thuế thông qua điều tra thuế và kiểm soát doanh thu bằng mô hình hệ thống quản lý hoá đơn tiền mặt. Đồng thời đề xuất các điều kiện cần thiết với các cơ quan nhà nước, các cấp chính quyền địa phương liên quan đến công tác kiểm soát thuế TNDN nhằm tăng tính khả thi cho các giải pháp đề xuất tăng cường kiểm soát thuế TNDN.

Thứ tư, một số kết quả nghiên cứu của luận văn đã và đang được triển khai áp dụng thực tế vào công tác kiểm soát thuế TNDN tại Chi cục Thuế quận Cẩm Lệ. Đồng thời có thể ứng dụng thực tế tại các Chi cục thuế khác có điều kiện tương tự.